

Bản án số: **05/2020/HS-ST**
Ngày 15 – 12 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lâm
2. Ông Huỳnh Văn Đường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2020, đối với bị cáo:

Trần Công H, sinh năm: 1996; tại Bình Phước; HKTT: Khu phố 9, phường P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã S, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Công H1 và bà Phạm Thị T; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Vũ Bích N và có một người con tên Trần Công M sinh ngày 05/11/2015; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 15/8/2020, tạm giam từ ngày 24/8/2020 đến nay. Có mặt.

Người bị hại:

- Chị Văn Thị T1, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Khu phố A, phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1969

Địa chỉ: Khu phố A, phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

(Tất cả có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 06/8/2020, Trần Công H cùng Nguyễn Hải D đi bộ trên đoạn đường nội ô giao nhau giữa khu phố 7 và khu phố 8, phường P, thị xã Phước Long. Theo lời khai của Trần Công H, khi đi đến đoạn đường này H và D phát hiện xe mô tô Wave màu đỏ đen xám, không có biển số đang dựng trên vỉa hè, trên xe cắm sẵn chìa khóa, không có người trông coi nên H và D nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô trên bán lấy tiền tiêu xài. H và D đi qua xe mô tô trên một đoạn rồi H quay lại vị trí dựng xe và đẩy xe ra đường dẫn bộ khoảng 20 mét và nổ máy chạy đến chỗ D đang đứng, cả hai cùng tháo gạcbaga của xe ra vút trên đường, H điều khiển xe chở D chạy về hướng lô cao su thuộc xã H, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước để tìm người bán. Tại đây, H và D gặp 01 người đàn ông qua đường (không xác định rõ lai lịch) hỏi bán xe mô tô trộm cắp được với giá 1.400.000 đồng, D và H chia nhau mỗi người 700.000 đồng và bắt taxi về lại thị xã Phước Long.

Ngày 15/8/2020, Trần Công H đến Công an thị xã Phước Long đầu thú.

Ngày 24/8/2020, Trần Công H bị khởi tố bị can để điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 26/HĐ.ĐGTSTTTHS.20 ngày 20/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Phước Long: Tại thời điểm ngày 06/8/2020, giá trị của xe mô tô Wave, biển số 61L7 - 7572 là 9.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số 72/CT-VKS ngày 02/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long đã truy tố bị cáo Trần Công H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Công H về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 (bị cáo đầu thú) Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Công H mức án từ 18 tháng đến 20 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự: Tuyên buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 9.000.000 đồng tương đương với giá trị xe bị mất.

Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến tranh luận gì với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn về hành vi phạm tội của mình. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phước

Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền và nghĩa vụ liên quan; biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Vào ngày 06/8/2020, lợi dụng sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản, bị cáo Trần Công H đã lén lút chiếm đoạt xe mô tô hiệu Honda loại Wave biển số 61L7-7572, số máy 0159279, số khung Y576447 của chị Văn Thị T1. Giá trị tài sản mà H chiếm đoạt là 9.000.000 đồng. Do vậy, Viện kiểm sát truy tố và luận tội bị cáo theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; ngoài ra còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội ở địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo nhận thức được hành vi của mình sẽ bị pháp luật xử lý nghiêm nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân bị cáo đã cố ý thực hiện.

[4] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ hình sự, như: “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Bị cáo đầu thú” quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Do bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung tại khoản 5 Điều 173 đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận về việc bồi thường giá trị chiếc xe bị chiếm đoạt giữa bị cáo và bị hại Văn Thị T1. Bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 9.000.000 đồng.

[7] Đối với đối tượng Nguyễn Hải D là người đi cùng với bị cáo H. Quá trình điều tra cho đến nay D đã đi khỏi địa phương, cơ quan điều tra không làm việc được với D. Mặt khác, chỉ có lời khai của bị cáo H thừa nhận cùng với D thực hiện hành vi phạm tội. Qua xem xét trích xuất camera chỉ nhìn thấy D cùng H đi ngang qua vị trí để xe mô tô và H quay lại thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe của bị hại. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phước Long tách ra làm rõ, xử lý sau.

[8] Đối với người đàn ông đã mua xe mô tô: do không xác định được nhân thân, lai lịch nên không đề cập xử lý.

[9] Về quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với qui định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Công H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 32, 38, Điều 50 Bộ luật hình sự.
Xử phạt bị cáo Trần Công H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/8/2020.
3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự.
Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Trần Công H và bị hại Văn Thị T1 về việc bị cáo H phải có nghĩa vụ bồi thường số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) cho bị hại Văn Thị T1.
4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,
Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.
Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 15/12/2020).

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt